TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Đặng Văn Tâm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Châu Thị Ngọc Hạnh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026 tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang và điểm cầu thành phần là Văn phòng ấp L, xã C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm sự thụ lý số: 426/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 "Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 11- An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1978, địa chỉ: số nhà A, tổ E, ấp A, xã H, tỉnh An Giang; có mặt.

*2. Bị đơn:*Bà Khúc Thị L, sinh năm 1986, địa chỉ: số nhà A, tổ E, ấp A, xã H, tỉnh An Giang; có ý kiến xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa nguyên đơn ông Lê Thanh P trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, mai mối giới thiệu ông và bà L được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng

ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh An Giang). Vợ chồng sống chung đến tháng 01 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiến nói chung, bà L đi làm tại Bình Dương và không muốn về gặp ông, ông có khuyên nhưng bà L vẫn không sửa đổi, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 01 năm 2025 (al) cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung Lê Thanh T, sinh 22/01/2007 (hiện nay đã thành niên) Lê Thúy H, sinh ngày 05/6/2011 hiện nay cháu H sống chung với bà L. Khi ly hôn ông đồng ý để bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, ông không phải phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lê Thanh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Thanh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt các buổi hòa giải và xét xử ngày 13 tháng 6 năm 2026 bị đơn bà Khúc Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Ông P xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung Lê Thanh T, sinh 22/01/2007 (hiện nay đã thành niên) Lê Thúy H, sinh ngày 05/6/2011 hiện nay cháu H sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Khúc Thị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Khúc Thị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà đang đi làm xa nên bà không về được tham gia các buổi hòa giải và xét xử cho bà xin vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Căn cước công dân, giấy khai sinh cháu Lê Thanh T, sinh 22/01/2007; cháu Lê Thúy H, sinh ngày 05/6/2011, Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2009 ngày 18/3/2009 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Lê Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

Bị đơn có văn bản xin vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông P và bà Khúc Thị L xây dựng hôn nhân tự nguyện tìm hiểu với nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh An Giang. Giấy đăng ký kết hôn số 47 ký ngày 18 tháng 03 năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến sau này thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, thường xuyên mâu thuẫn không thể giải quyết được, ông P đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không thể. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu được ly hôn với bà Khúc Thị L. Phía bà L thống nhất yêu cầu ly hôn của P. Ông P và bà L không còn tình cảm với nhau, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông P là có căn cứ, phù hợp với quy định theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung: Lê Thanh T, sinh ngày 22/01/2007 (hiện nay đã thành niên) và Lê Thúy H, sinh ngày 05/06/2011 hiện nay đang sống chung với bà Khúc Thị L. Khi ly hôn ông P đồng ý để bà L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc nuôi dưỡng, cần xem xét đến nguyện vọng và điều kiện phát triển của con chung. Thời gian vợ chồng ly thân, cháu H sống cùng bà L. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần cũng như nguyện vọng của con chung, bà L được

tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Thúy H. Về cấp dưỡng, do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P, bà L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Thanh P đối với bà Khúc Thị L.

Bà Khúc Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thúy H, sinh ngày 05/06/2011. Ông Lê Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Khúc Thị L có nơi cư trú ấp A, xã H, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên Tòa được mở bà Khúc Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3]. Về hôn nhân:

Ông Lê Thanh P và bà Khúc Thị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông P, bà L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông P với bà L thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiến nói chung, bà L đi làm xa ông P có khuyên bà về nhưng bà không đồng ý, ông và bà L không còn sống chung từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông P, bà L là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung Lê Thanh T, sinh 22/01/2007 (hiện nay đã thành niên); cháu Lê Thúy H, sinh ngày 05/6/2011 hiện nay cháu H đang sống chung với bà L. Khi ly hôn ông P đồng ý để bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu H sống ổn định với bà L vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần như bao trẻ khác. Trong quá trình làm việc Toà án tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu H thì cháu có nguyện vọng muốn sống chung với bà L, ông P cũng đồng ý không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu H cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Thanh P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà L cũng không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Thanh P, bà Khúc Thị L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Thanh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bà Khúc Thị L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh P.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Thanh P được ly hôn với bà Khúc Thị L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Thanh T, sinh ngày 22/01/2007 (hiện nay đã thành niên) Lê Thúy H, sinh ngày 05/6/2011 hiện nay sống chung với bà L, khi ly hôn bà L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thúy H. Ông Lê Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Thanh P, bà Khúc Thị L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Lê Thanh P, bà Khúc Thị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận ông P, bà L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông P, bà L thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Thanh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 306437 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 5 năm 2026; Ông Lê Thanh P đã nộp đủ án phí.

Bà Khúc Thị L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên

tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11- An Giang;
- UBND xã Hội An, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn